

Bản án số: **33/2022/DS-ST**.

Ngày: 21/4/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Vân Anh

2. Bà Bùi Thị Ngọc Quế

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Từng - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công KH vụ án dân sự thụ lý số: 186/2021/TLST - DS ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST – DS, ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ x, ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ x, ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh C trình bày như sau:**

Ông Lê Minh C với ông vợ chồng Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th là chỗ quen biết nên vào ngày 30/12/2019 (âm lịch) nhằm ngày 24/01/2020 (dương lịch), ông

Lê Minh C có cho ông vợ chồng Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th vay số tiền 174.000.000 đồng, khi cho vay hai bên có lập tờ “Giấy vay tiền” thời hạn thanh toán thỏa thuận là ngày 01/02/2020, trong nội dung giấy vay tiền không thể hiện lãi suất nhưng có thỏa thuận miễn g lãi suất vay là 4%/tháng, tuy nhiên kể từ khi vay đến nay ông H và bà Th không thanh toán được khoản tiền nào mặc dù ông C yêu cầu ông H và bà Th thanh toán nhiều lần. Ngoài ra vào ngày 13/02/2020 (âm lịch) nhằm ngày 06/3/2020 (dương lịch), ông C cho ông H và bà Th vay thêm số tiền 100.000.000 đồng và ngày 16/3/2020 (âm lịch) ông C cho ông H và bà Th vay thêm số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông H và bà Th cũng không thanh toán tiền gốc và lãi cho ông.

Theo đơn khởi kiện ông Lê Minh C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th thanh toán tiền nợ vay gốc tổng cộng là 324.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với số tiền là 72.160.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 396.160.000 đồng.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông Lê Minh C rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền nợ vay gốc ngày 13/02/2020 (âm lịch) là 100.000.000 đồng và ngày 16/3/2020 (âm lịch) là 50.000.000 đồng và khoản tiền lãi của hai lần vay này là 30.400.000 đồng.

Nay ông Lê Minh C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th thanh toán số tiền nợ vay gốc ngày 30/12/2019 (âm lịch) nhằm ngày 24/01/2020 (dương lịch) là 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng); yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,6%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 24/01/2020 đến ngày 24/3/2022 là 26 tháng với số tiền lãi là $174.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 72.384.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 249.000.000đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng). Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:*

Vào ngày 30/12/2019 (âm lịch) ông Nguyễn Văn H cùng vợ là bà Nguyễn Thanh Th vay số tiền gốc là 174.000.000 đồng của ông Lê Minh C, khi vay có lập giấy vay tiền, thời hạn vay đến ngày 01/02/2020 sẽ thanh toán dứt điểm, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, do làm ăn thất bại nên không trả cho ông C được khoản tiền nào.

Sau khi vay tiền của ông Lê Minh C thì ông H với bà Th ly hôn, ông C yêu cầu trả nợ gốc và lãi thì ông đồng ý nhưng hiện hoàn C kinh tế khó khăn xin được trả nợ vay gốc còn nợ lãi xin được miễn trả, tiền nợ gốc yêu cầu được chia đôi nghĩa vụ thanh toán với bà Nguyễn Thanh Th.

** Tại bản tự k hai ngày 27/01/2022 bị đơn bà Nguyễn Thanh Th trình bày như sau:*

Trước đây bà Th với Nguyễn Văn H là vợ chồng, có hỏi vay của ông Lê Minh C số tiền 174.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền đề ngày 30/12/2019(Al) hai bên có thỏa thuận thanh toán vào ngày 01/02/2020 gốc và lãi. Lãi suất khi vay là 7%/tháng, do không thanh toán được nên bà Th đóng lãi cho ông C hằng tháng là 12.180.000 đồng, đã đóng đến tháng 2/2021 được số tiền 158.340.000 đồng, khi đóng lãi không có làm biên nhận với ông C. Sau khi ly hôn ông H có hứa nhận toàn bộ tài sản và nợ , bà Th ra đi tay trắng. Nay ông Lê Minh C khởi kiện bà Th và ông H yêu cầu thanh toán nợ gốc là 174.000.000 đồng và tiền lãi thì bà Th không đồng ý, yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho ông Lê Minh C.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày như sau:

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh C là vợ chồng, số tiền 174.000.000 đồng mà ông Lê Minh C cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th vay là tài sản chung vợ chồng. Bà Lê Thị Thiết thống nhất để cho ông Lê Minh C đứng đơn khởi kiện ông H và bà Th để thu hồi nợ vay, bà Lê Thị T không có yêu cầu gì.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về số nợ vay gốc ông Lê Minh C trình bày cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th vay số tiền gốc là 174.000.000 đồng phía bị đơn đề u thừa nhận có vay ông C số tiền gốc là 174.000.000 đồng.

Các tình tiết mà các bên chưa thống nhất: - Về nghĩa vụ trả nợ vay gốc và lãi: Ông Lê Minh C yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th có nghĩa vụ thanh toán nợ vay gốc và lãi . Bà Nguyễn Thanh Th không đồng ý trả nợ cùng ông Nguyễn Văn H mà có ý kiến ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho ông Lê Minh C. Ông Nguyễn Văn H đề nghị được chia đôi số nợ vay gốc với bà Nguyễn Thanh Th còn lãi thì xin miễn trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Lê Minh C yêu cầu đồng bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện H, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về Thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

[3] *Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện* : Ông Lê Minh C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th với số tiền nợ vay gốc ngày 13/02/2020 (âm lịch) là 100.000.000 đồng và ngày 16/3/2020 (âm lịch) là 50.000.000 đồng và khoản tiền lãi của H lần vay này là 30.400.000 đồng. Xét thấy đây là tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu đối với phần tiền vay gốc tổng cộng là 150.000.000 đồng và khoản tiền lãi là 30.400.000 đồng theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4.1] Về nợ vay gốc: Vào ngày 30/12/2019 (âm lịch) nhằm ngày 24/01/2020 (dương lịch), nguyên đơn ông Lê Minh C có cho bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th vay số tiền gốc là 174.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm tờ “Giấy vay tiền” đề ngày 30/12/2019 (âm lịch) quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th đều thừa nhận số nợ gốc vay gốc của ông C là 174.000.000 đồng, các bên đều không có tranh chấp nợ vay gốc nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã quyết định Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung, việc vay tiền do 02 vợ chồng xác lập trong thời kỳ hôn nhân, do đó căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh C buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th liên đới

thanh toán số tiền vay nợ gốc 174.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th liên đới thanh toán cho ông Lê Minh C số tiền vay gốc còn nợ là 174.000.000đ (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng)

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: Khi vay H bên không thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng vay, quá trình tố tụng ông Lê Minh C và ông Nguyễn Văn H trình bày lãi suất vay là 4%/tháng, bà Th trình bày lãi suất vay là 7%/tháng, ông Nguyễn Văn H xin miễn lãi còn bà Th không đồng ý thanh toán nợ cùng ông H nên được xem là tranh chấp về lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% lãi suất giới hạn (20%/năm). Ông Lê Minh C yêu cầu tính lãi 1,6%/tháng với khoản tiền lãi là 72.384.000 đồng là không phù hợp, Hội đồng xét xử tính lại tiền lãi như sau: $174.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 37.549.000 \text{ đồng}$. Như vậy khoản tiền lãi không được chấp nhận là 34.835.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của ông Nguyễn Văn H xin được miễn lãi nhưng không được ông Lê Minh C chấp nhận. Do đó không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến được miễn lãi của ông Nguyễn Văn H.

[5] Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thanh Th vay tiền ông Nguyễn Văn H với lãi suất 7%/tháng, số tiền lãi đã đóng được 158.340.000 đồng. Xét thấy lời trình bày này không được ông Lê Minh C thừa nhận cũng như ông Nguyễn Văn H xác nhận không đóng được khoản tiền lãi nào cho ông Lê Minh C, như vậy chỉ có lời trình bày của bà Th nên không có căn cứ để chứng minh, bà Th không có yêu cầu gì về số tiền lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th phải liên đới chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: Tiền vay gốc 174.000.000 đồng + tiền lãi 37.549.000 đồng $\times 5\% = 10.577.000 \text{ đồng}$ (Mười triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ: Các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 27, 37, 60 luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1./ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh C.

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th liên đới thanh toán cho ông Lê Minh C số tiền vay còn nợ tổng cộng cả gốc và lãi là 211.549.000 đồng (Hai trăm mười một triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng). trong đó nợ vay gốc là 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng) và nợ lãi là 37.549.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Minh C có đơn yêu cầu thi hành án phía ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án.

-Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh C với phần tiền lãi là 34.835.000 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

2./ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh C về phần tiền vay gốc tổng cộng là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi là 30.400.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)

3./ Về án phí dân sự sơ thẩm : Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh Th phải liên đới chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 10.577.000 đồng (Mười triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 12/TB-TA; Ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

4 ./ Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA DS huyện.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Phúc